

Về vấn đề: “Phối hợp trong nghiên cứu và giảng dạy xã hội học”

LTS. Trong những năm qua đã có sự nở rộ của các nghiên cứu xã hội học, gắn liền với thực tiễn của sự nghiệp đổi mới. Đây cũng là giai đoạn phát triển của các cơ sở đào tạo xã hội học. Sự trưởng thành của khoa học xã hội học đòi hỏi tăng cường hoạt động phối hợp giữa nghiên cứu và giảng dạy. Như tin đã đưa, để đáp ứng yêu cầu này, từ 3-5/1/2001, Viện Xã hội học đã tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề “Phối hợp trong nghiên cứu và giảng dạy xã hội học ở Việt Nam”. Hội thảo nằm trong khuôn khổ Dự án “Nâng cao chất lượng năng lực đào tạo và nghiên cứu khoa học xã hội đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” do Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì, với sự hỗ trợ của Quỹ Ford Foundation.

Tiếp theo Tạp chí Xã hội học số 1(73), 2001; chúng tôi trân trọng giới thiệu với bạn đọc một số tham luận đã được trình bày trong Hội thảo nói trên.

TCXHH

Về sự phối hợp giữa hoạt động nghiên cứu và đào tạo ở Viện Xã hội học

NGUYỄN HỮU MINH *

Trân trọng cảm ơn TSKH Bùi Quang Dũng, TS Đặng Nguyên Anh đã tạo điều kiện để tác giả hoàn thành bài viết này.

N.H.M.

I. Hoạt động nghiên cứu và đào tạo ở Viện Xã hội học

Viện Xã hội học thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia chính thức thành lập từ năm 1983 (trên cơ sở tổ chức tiền thân là Ban Xã hội học thuộc Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, ra đời từ năm 1977). Hiện nay, Viện có 61 cán bộ trong biên chế, trong đó 4 nhà nghiên cứu có học hàm Phó giáo sư, 18 nhà nghiên

* Phó Viện trưởng Viện Xã hội học.

cứ có học vị tiến sĩ và tiến sĩ khoa học. Viện thực hiện 3 chức năng chủ yếu gồm: a) triển khai nghiên cứu các vấn đề xã hội học; b) đào tạo sau đại học bậc Thạc sĩ và Tiến sĩ xã hội học; c) thực hiện các dịch vụ tư vấn cho các dự án phát triển. Về cơ cấu tổ chức, Viện hiện có 8 phòng nghiên cứu chuyên ngành, 3 phòng chức năng (trong đó có phòng chuyên trách công tác đào tạo), và Tòa soạn Tạp chí Xã hội học.

1. Hoạt động nghiên cứu

Từ khi thành lập, Viện Xã hội học đã tích cực triển khai và tham gia vào các nghiên cứu thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định các chính sách của Đảng và Nhà nước. Kể từ đề tài cấp Nhà nước đầu tiên thời kỳ 1978-1985 cho đến nay, Viện đã tiến hành hàng chục nghiên cứu lớn bao trùm một phổ các vấn đề kinh tế-xã hội cơ bản của đất nước như những vấn đề biến đổi cơ cấu xã hội và lối sống các tầng lớp dân cư, phân tầng xã hội, sự biến đổi của gia đình, chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp ở đô thị và nông thôn, ... Chính trong quá trình đó đội ngũ cán bộ của Viện đã trưởng thành.

Chỉ trong 2 năm gần đây (1999- 2000), Viện đã triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu đa dạng. Năm 1999, Viện đã chủ trì hoặc tham gia vào hơn 50 đề tài/dự án nghiên cứu với nhiều nội dung khác nhau. Năm 2000, con số này đã là trên 74 với những đặc điểm sau:

- Các công trình, đề tài nghiên cứu rất đa dạng, đáp ứng những nhu cầu thực tiễn phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Nội dung các đề tài, dự án mà cán bộ trong Viện tham gia từ những vấn đề vĩ mô cho đến các vấn đề thực tiễn cụ thể ở mỗi một địa phương, cộng đồng, và bao quát một phạm vi rộng rãi các khía cạnh xã hội của đời sống xã hội.

- Nhiều đề tài đã phục vụ trực tiếp cho việc xây dựng các chính sách của Đảng và Nhà nước. Chẳng hạn, đề tài cấp Bộ, nghiên cứu về Biến đổi cơ cấu giai cấp và phân tầng xã hội (tham gia dưới sự chỉ đạo của Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia), nhằm đóng góp trực tiếp cho việc chuẩn bị các văn kiện Đại hội IX của Đảng; Nhiệm vụ cấp Bộ xây dựng Báo cáo xã hội năm 2000, v.v.

- Cố gắng gắn các nghiên cứu ứng dụng với nghiên cứu cơ bản, khái quát hóa lý luận, trên cơ sở các nghiên cứu ứng dụng làm phong phú thêm lý thuyết chuyên ngành. Trong điều kiện ngân sách nhà nước cấp cho nghiên cứu còn hạn hẹp, Viện đã chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ từ bên ngoài để triển khai các nghiên cứu cơ bản. Ví dụ như Dự án "Hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu xã hội học" do Quỹ Ford tài trợ được bắt đầu từ tháng 5/2000.

Trong năm 2000, Viện đã có 3 trong 8 đề tài hướng vào các nghiên cứu mang tính cơ bản theo hướng tổng kết, khái quát hóa các kết quả nghiên cứu thực nghiệm sẵn có từ trước .

- Mở rộng sự hợp tác, phối hợp với các cơ quan nghiên cứu, các cơ sở đào tạo, các cơ quan thực tiễn trong nước, cũng như với các tổ chức quốc tế để không ngừng nâng cao chất lượng nghiên cứu, gắn bó nghiên cứu khoa học với đời sống thực tiễn.

2. Hoạt động đào tạo

Viện Xã hội học được Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giáo dục & Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo sau đại học (bậc cao học và nghiên cứu sinh) từ năm 1995. Ngay sau đó, Viện đã thành lập Phòng đào tạo sau đại học (nay là Phòng Tổ chức-Cán bộ và Đào tạo) với chức năng tổ chức các hoạt động đào tạo Thạc sĩ và Tiến sĩ Xã hội học. Đến nay đã có 6 khóa đào tạo cao học và nghiên cứu sinh học tập tại cơ sở đào tạo sau đại học của Viện. Hai khóa học viên cao học đầu tiên đã hoàn thành và bảo vệ thành công luận án Thạc sĩ xã hội học. Hiện nay học viên khóa 3 đang chuẩn bị để bảo vệ luận án tốt nghiệp. Ba nghiên cứu sinh đã bảo vệ đặc cách luận án Tiến sĩ xã hội học trong năm 1997. Năm 2000 vừa qua, hai nghiên cứu sinh chính quy cũng đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ.

Từ năm 1999, hoạt động đào tạo cao học tại Viện được thực hiện trên cơ sở phối hợp đào tạo với Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.

Trong quá trình tổ chức đào tạo bậc cao học và tiến sĩ, cơ sở đào tạo sau đại học Viện Xã hội học đã không ngừng hoàn thiện nội dung chương trình và đội ngũ cán bộ giảng dạy. Những chuyển biến chủ yếu trong 2 năm gần đây thể hiện trên các mặt sau đây:

- Về chương trình :

Trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm quốc tế và trong nước, với mục đích nâng cao chất lượng, từ năm 1999 cơ sở đào tạo sau đại học của Viện Xã hội học đã đề xuất khung chương trình mới cho đào tạo cao học. Chương trình mới nhằm nâng cao các kiến thức về lý thuyết cũng như thực hành cho học viên. Chương trình này đã được các chuyên gia và Hội đồng khoa học của Viện góp ý, sau đó thông qua tiểu ban chuyên môn và Hội đồng phối hợp đào tạo giữa Viện Xã hội học và Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn. Từ khóa VI, học viên cao học của Viện sẽ học theo chương trình này.

Trong chương trình mới, các môn học về lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học được đặc biệt chú ý. Môn học lý thuyết xã hội học sẽ lưu tâm hơn đến việc trình bày các xu hướng phát triển nghiên cứu xã hội học trong thời gian gần đây, đặc biệt là với các nước trong khu vực. Môn học về phương pháp nghiên cứu xã hội học được cấu trúc lại hợp lý hơn theo tinh thần tăng thêm thời lượng cho nội dung chuyên đề "Quá trình thao tác hóa khái niệm", đồng thời chú ý nhiều hơn đến phát triển kỹ năng thực hành phân tích và xử lý số liệu trên máy tính.

- Đội ngũ giảng viên:

Trong những năm gần đây đội ngũ cán bộ nghiên cứu kiêm giảng viên của Viện được tăng cường nhờ có thêm một số cán bộ mới được đào tạo từ nước ngoài trở về. Hiện tại, Viện có một đội ngũ chuyên gia được đào tạo cơ bản, có trình độ chuyên môn cao gồm 17 tiến sĩ và tiến sĩ khoa học được đào tạo chủ yếu từ Nga, Hoa Kỳ, Đức, Thụy Điển và trong nước, theo nhiều chuyên ngành khác nhau của Xã hội học như : Xã hội học Đô thị, Xã hội học Nông thôn, Xã hội học Văn hóa, Xã hội học Gia

đình, Xã hội học Phúc lợi, Xã hội học Dân số, v.v... Tất cả các cán bộ nghiên cứu có học vị, học hàm đều tích cực tham gia giảng dạy trong tổng số 23 môn học của chương trình đào tạo cao học và các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ.

Đối với mỗi môn học, Cơ sở đào tạo của Viện đã lập danh sách các giảng viên tương ứng và cố gắng chủ động trong việc xếp lịch dạy. Để tăng cường quan hệ phối hợp và đa dạng hóa kiến thức, Cơ sở đào tạo của Viện đã mời một số giảng viên từ các cơ sở bạn tham gia giảng dạy một số môn của chương trình đào tạo cao học.

Kinh nghiệm giảng dạy cao học của đội ngũ giảng viên trong Viện cũng được nâng lên nhờ sự tiếp xúc trao đổi thường xuyên với các cơ sở đào tạo khác thông qua chế độ thỉnh giảng. Một số cán bộ của Viện tham gia giảng dạy ở nhiều trường đại học và cơ sở đào tạo khác, như Khoa Xã hội học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội; Khoa Xã hội học, Phân viện Báo chí và Tuyên truyền; Đại học Kinh tế quốc dân; Đại học Kiến trúc; Đại học An ninh nhân dân, v.v.... Trong 2 năm 1999-2000 vừa qua, ước tính mỗi năm đội ngũ cán bộ nghiên cứu kiêm giảng viên của Viện đã giảng dạy khoảng 1.500 giờ tại cơ sở đào tạo sau đại học của Viện và khoảng 2.000 giờ cho các cơ sở đào tạo khác, bao gồm cả việc hướng dẫn luận văn cho sinh viên cử nhân, học viên cao học, và nghiên cứu sinh tiến sĩ.

Do nâng cao được chất lượng đào tạo nên số thí sinh thi tuyển vào cơ sở đào tạo của Viện những năm vừa qua đã tăng lên: năm 1998 chỉ có 8 người, năm 1999: 18 người, và năm 2000 là 25 người.

3. Các hoạt động hỗ trợ cho nghiên cứu và đào tạo

Bên cạnh nỗ lực về cải tiến chương trình và nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tăng cường sự phối hợp với các cơ sở nghiên cứu và đào tạo khác, Viện đã có nhiều hình thức hoạt động phong phú hỗ trợ cho công tác đào tạo.

- Hoạt động của Thư viện:

Thư viện của Viện Xã hội học có gần 10.000 đầu sách, bằng các thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc và các tạp chí chuyên ngành khoa học xã hội. Trong những năm vừa qua, thư viện đã phục vụ tốt cho hoạt động đào tạo nói chung của Viện. Số lượng và chủng loại tài liệu xã hội học được bổ sung thường xuyên bằng nhiều cách khác nhau như: mua sách, tạp chí bằng tiền ngân sách; cán bộ đi đào tạo, tham dự các hội thảo quốc tế và trong nước mang về; cung cấp từ các dự án nâng cao năng lực, trao đổi thông tin tư liệu với các cơ quan nghiên cứu xã hội học trong và ngoài nước, cũng như các tổ chức quốc tế đóng tại Việt Nam.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc chia sẻ thông tin, đặc biệt trong điều kiện nguồn tư liệu xã hội học trong nước còn hạn chế, Viện Xã hội học chủ trương mở rộng cửa thư viện của mình cho cả độc giả ngoài Viện. Trong quá trình đào tạo, ngoài giờ giảng trên lớp, các học viên được hướng dẫn tìm tài liệu tham khảo trực tiếp tại thư viện theo các chuyên đề mà học viên quan tâm. Ngày càng có nhiều cán bộ nghiên cứu, giảng viên và sinh viên từ các cơ sở đào tạo, trường đại học đến tham khảo tài liệu tại thư viện.

So với năm 1999, trong năm 2000 lượng độc giả được phục vụ tăng gấp 2 lần với 398 lượt bạn đọc trong Viện, 382 lượt bạn đọc ngoài Viện; tổng số 986 lượt sách được mượn.

- Hoạt động xuất bản

Ngoài Tạp chí Xã hội học được xuất bản 4 số/năm, trong đó có nhiều số chuyên đề, hàng năm Viện đã xuất bản những công trình nghiên cứu của các chuyên gia trong Viện, các tài liệu dịch thuật, lược thuật và tổng thuật. Các công trình này cũng được dùng làm tài liệu tham khảo cho học viên của cơ sở đào tạo về những chủ đề liên quan. Riêng 2 năm 1999 và năm 2000 đã xuất bản gần chục công trình nghiên cứu xã hội học.

Nhằm tiếp tục hoàn thiện và nâng cao chất lượng đào tạo, cơ sở đào tạo sau đại học của Viện đang tiến hành biên soạn một số cuốn sách chuyên khảo, sách công cụ phục vụ nghiên cứu, đào tạo đại học và trên đại học. Ngoài ra, các phòng nghiên cứu chuyên ngành và cá nhân các nhà nghiên cứu cũng chủ động xuất bản các công trình riêng.

- Các khóa đào tạo ngắn hạn:

Hàng năm, Viện Xã hội học đều tổ chức các khóa đào tạo chuyên môn trong khuôn khổ chương trình nghiên cứu của Viện hoặc các dự án hợp tác nghiên cứu và đào tạo với các trường đại học, viện nghiên cứu nước ngoài. Các giáo sư, tiến sĩ từ các trường đại học và các viện nghiên cứu nước ngoài giảng dạy cho các khóa đào tạo này đến từ các nước có nền xã hội học rất phát triển như: Hoa Kỳ, Pháp, Bỉ, Úc, Canada, Hà Lan, v.v...

Chỉ tính trong 2 năm 1999-2000, trong khuôn khổ các dự án hợp tác nghiên cứu và đào tạo với các trường đại học nước ngoài, Viện đã phối hợp tổ chức gần hai mươi khóa đào tạo ngắn hạn thuộc nhiều chuyên ngành hẹp của xã hội học. Có thể nêu một số ví dụ:

Dự án ISTAR hợp tác giữa Viện Xã hội học với Đại học Amsterdam, Hà Lan (*do Phòng Xã hội học Đô thị phụ trách*) trong 3 năm qua đã tổ chức 10 khóa đào tạo do các giáo sư từ Đại học Amsterdam tới giảng dạy. Ngoài các khóa học được tổ chức tại Hà Nội, Dự án còn phối hợp tổ chức 3 khóa học tại Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Đà Lạt, Đại học Huế. Tổng số lượt học viên tham gia các khóa đào tạo do Dự án ISTAR tổ chức lên tới trên 200 người.

Khóa đào tạo về các phương pháp định tính (phân tích huyền thoại và phân tích văn bản) do 2 giáo sư người Bỉ: F. Houtart và Edmond Leqros trình bày (*do Phòng Tổ chức- Cán bộ và Đào tạo phụ trách*) có số học viên chính thức là 27 người và 10 học viên dự thính (tháng 10/2000).

Khóa học về Phương pháp nghiên cứu Xã hội học Gia đình do 2 giảng viên từ Trung tâm Nghiên cứu Dân số, Đại học Michigan, Hoa Kỳ giới thiệu (*do Phòng Xã hội học Gia đình phụ trách*) với số lượng 25 học viên trong tháng 11/2000.

Khóa học về Phát triển chương trình giảng dạy công tác xã hội do các giáo sư từ trường Đại học Sydney, Úc trình bày (*Phòng Xã hội học Phúc lợi xã hội phụ trách*) với 30 học viên tham dự.

Đáng lưu ý là trong tất cả các khóa đào tạo này, số học viên tham dự không chỉ gồm các cán bộ nghiên cứu của Viện Xã hội học mà còn có rất nhiều cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, và cán bộ thực tiễn ở các cơ quan khác tham gia (thường chiếm khoảng 1/2 trong tổng số học viên của các khóa học). Thực tiễn đó phản ánh quan niệm chung ở Viện rằng, trong điều kiện ngành xã hội học nước ta còn khá trẻ, để đẩy nhanh sự phát triển của ngành cần phải tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, giữa nghiên cứu và đào tạo. Một hình thức quan trọng của sự phối hợp này chính là các hoạt động đào tạo chính quy cũng như các khóa học ngắn hạn vừa kể trên. Thông qua các hoạt động này, mối quan hệ hợp tác giữa các nhà nghiên cứu và giảng dạy xã hội học sẽ được tăng cường.

- Chương trình seminar khoa học thường kỳ:

Nhằm tạo ra một diễn đàn trao đổi chuyên môn trong giới nghiên cứu và giảng dạy xã hội học, từ năm 1999 Viện Xã hội học đã thường xuyên tổ chức các seminar khoa học thường kỳ về những kết quả nghiên cứu mới nhất, những vấn đề và kinh nghiệm nghiên cứu xã hội học. Chỉ trong 3 tháng cuối năm 1999, Viện đã tổ chức 4 seminar, trong đó 3 cuộc có thuyết trình viên là cán bộ nghiên cứu của Viện với tổng số lượt người tham gia khoảng 150 người, hơn 1/2 trong số đó là cán bộ nghiên cứu, cán bộ thực tế ngoài Viện, các giảng viên và sinh viên các trường Đại học tại Hà Nội. Trong năm 2000, Viện đã tổ chức 7 Hội thảo khoa học và 16 seminar thường kỳ và không thường kỳ với tổng số khoảng trên 200 lượt người tham dự.

Cũng từ năm 1999, Viện Xã hội học đã tổ chức Hội thảo Kết quả nghiên cứu khoa học trong năm. Tại Hội thảo này các cán bộ nghiên cứu của Viện có dịp trình bày kết quả nghiên cứu cụ thể của mình, bao gồm cả kết quả nghiên cứu của Viện hay thuộc các đề tài do các cá nhân tham gia, hợp tác với các cơ quan bên ngoài. Hội thảo là một hình thức trao đổi thông tin rất bổ ích cho các nhà nghiên cứu, qua đó các cán bộ trong Viện hiểu biết lẫn nhau, có cơ hội hợp tác và trao đổi kinh nghiệm phục vụ cho công tác nghiên cứu và đào tạo.

Nội dung của các seminar bao quát phạm vi rộng rãi các vấn đề từ lý thuyết, phương pháp luận, đến những vấn đề thực tiễn mang tính thời sự. Các buổi thuyết trình đã tạo ra được không khí sinh hoạt học thuật, trao đổi thẳng thắn giữa các nhà khoa học, và gợi ra nhiều vấn đề mới trong nghiên cứu. Chất lượng các buổi thuyết trình cũng tăng lên nhờ việc áp dụng các kỹ thuật và phương tiện trình bày hiện đại, hấp dẫn người nghe. Đặc biệt, các seminar không phải chỉ dành cho các cán bộ nghiên cứu có trình độ chuyên môn cao mà còn thu hút đông đảo học viên cao học và sinh viên đại học. Thông thường một tuần trước khi tổ chức seminar, Viện đều gửi thư hoặc fax cho các cơ sở nghiên cứu và đào tạo khác thông báo về nội dung, người thuyết trình với lời mời dành cho tất cả những ai quan tâm đến dự và "*các giảng viên, nhà nghiên cứu trẻ và sinh viên tới tham dự được đặc biệt hoan nghênh*". Hình thức sinh hoạt khoa học này đã góp phần củng cố mối quan hệ giao lưu, hợp tác khoa học giữa các cơ quan nghiên cứu và đào tạo xã hội học, tạo điều kiện cho giới nghiên cứu và giảng dạy cập nhật tốt hơn những vấn đề thời sự bức thiết của thực tiễn từ lăng kính của ngành xã hội học.

II. Những vấn đề đang đặt ra trong việc phối hợp nghiên cứu và đào tạo xã hội học hiện nay

Trải qua hơn 20 năm hoạt động, Viện Xã hội học đã có những đóng góp nhất định vào sự phát triển của ngành xã hội học ở Việt Nam. Trong thập niên 1980, Viện chủ yếu tập trung vào hoạt động nghiên cứu và tự đào tạo. Kết quả là đến nay Viện đã có được một đội ngũ cán bộ nghiên cứu nòng cốt. Trong thập niên 1990, Viện bắt đầu hoạt động đào tạo ở quy mô ngày một mở rộng. Buổi đầu là tham gia hỗ trợ các cơ sở bạn mới thành lập, và sau đó đã trở thành cơ sở đào tạo sau đại học. Như vậy có nghĩa là trong cả hai thập niên 80 và 90, Viện luôn cố gắng kết hợp 2 nhiệm vụ và cũng là 2 chức năng của Viện là nghiên cứu và đào tạo.

Tuy đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ, song nhìn lại thập niên vừa qua chúng ta có thể nhận thấy một số vấn đề hiện đang còn bỏ ngỏ trong việc phối hợp giữa 2 hoạt động nghiên cứu và đào tạo của Viện Xã hội học. Và theo chúng tôi, đó cũng là những vấn đề mà nhiều cơ sở nghiên cứu hoặc đào tạo xã hội học khác đang gặp phải hiện nay. Vì vậy, hy vọng rằng các phân tích và thảo luận chung quanh những vấn đề này sẽ cung cấp những bài học kinh nghiệm, và gợi mở những hướng đi thích hợp đối với ngành xã hội học Việt Nam trong thời gian tới.

1. Trong nghiên cứu, chúng ta còn quá ít những nghiên cứu cơ bản, vốn là cơ sở gắn kết giữa các hoạt động nghiên cứu và đào tạo. Kinh phí nhà nước cấp cho nghiên cứu xã hội học cho đến nay vẫn khá hạn hẹp, lại phải dàn trải cho các đề tài nhỏ, lẻ cho nhiều người tham gia. Các đề tài nghiên cứu lý thuyết lại thường không được các tổ chức tài trợ nước ngoài khuyến khích và hỗ trợ. Bản thân các nhà nghiên cứu cũng thường e ngại trước những đề tài lý thuyết cơ bản vì đây là lĩnh vực khó, thiếu tư liệu mới, đòi hỏi kinh nghiệm, sự say mê, cần đầu tư nhiều thời gian và sức lực. Trong khi đó, những nghiên cứu thực nghiệm, ứng dụng lại có nhu cầu khá cao, dễ làm hơn và đem lại thu nhập nhiều hơn, nhanh hơn.

Tuy nhiên, việc tham gia vào các nghiên cứu loại này thường chỉ bó hẹp ở công đoạn thu thập thông tin, hoặc cao hơn là báo cáo nghiên cứu được viết nhanh để "trả hàng" đúng thời hạn. Các tác giả thường không có thời gian để phân tích sâu, khái quát hóa tới sự phát triển lý thuyết. Và rồi một hợp đồng mới lại đến, lại những thời hạn nộp sản phẩm mới...

Ngoài ra, do phải chạy theo các "đơn đặt hàng", các chủ đề nghiên cứu thường khác xa nhau, không có tính hệ thống trong nội dung, nên khó so sánh hoặc tổng hợp, khái quát các kết quả để nâng cao về mặt lý thuyết. Vẫn còn tình trạng vừa thừa lại vừa thiếu thông tin xã hội học: thừa các thông tin cục bộ riêng rẽ, không có tính hệ thống và tính so sánh được; thiếu những thông tin có chất lượng, có độ tin cậy cao và có tính hệ thống.

2. Ý thức, khả năng và thói quen hợp tác giữa các thành viên là nhân tố rất cần thiết trong nghiên cứu. Chúng ta chưa xây dựng được những tập thể, những nhóm hay các ê-kíp nghiên cứu mạnh về một lĩnh vực chuyên sâu, chuyên ngành nào đó. Thường chỉ mới có một số chuyên gia giỏi làm việc riêng lẻ, độc lập. Sự cộng tác

với nhau của các chuyên gia trong nghiên cứu và giảng dạy còn thiếu chặt chẽ .

3. Việc công bố, phổ biến và trao đổi các kết quả nghiên cứu chưa được làm thường xuyên. Hội thảo kết quả nghiên cứu hàng năm và các seminar thường kỳ của Viện Xã hội học trong hai năm gần đây đã khắc phục phần nào tình trạng này trong nội bộ Viện. Các hình thức sinh hoạt khoa học đó đã giúp cho nhiều cán bộ nghiên cứu và giảng dạy cập nhật thông tin lý luận và thực tiễn, và góp phần tăng cường mối quan hệ hợp tác khoa học giữa Viện với các cơ sở nghiên cứu và đào tạo khác.

Tuy nhiên, các seminar khoa học thường kỳ vẫn chưa phát huy đầy đủ tiềm năng và hiệu quả. Trong các seminar này vẫn còn thiếu vắng nhiều cán bộ nghiên cứu có kinh nghiệm của Viện và các cơ sở đào tạo khác. Điều này rất dễ dẫn đến tình trạng nghe trình bày một cách thụ động, thiếu một không khí tranh luận khoa học thực sự và hạn chế khả năng gợi mở những vấn đề mới. Đối với các hội thảo khoa học thì do tính chất có vẻ "chính thức" của nó, việc trao đổi một cách thẳng thắn về những vấn đề đặt ra cũng chưa được phát huy như mong muốn.

4. Trí tưởng tượng xã hội học có vị trí quan trọng trong nghiên cứu và giảng dạy xã hội học. Điều đáng tiếc là do quá bận rộn với những đề tài tác nghiệp, một số nhà nghiên cứu và giảng dạy xã hội học đã hình thành thói quen sao chép các ý tưởng cũ, ít chịu khó suy nghĩ, tìm tòi ra ý tưởng mới. Chính vì vậy, thời gian gần đây, trong số nhiều công trình nghiên cứu đã hoàn thành, số lượng những công trình mang tính lý thuyết, cơ bản, có những gợi mở vấn đề còn ít.

5. Mặc dù Viện Xã hội học và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo khác đã có những nghiên cứu bao trùm nhiều vấn đề xã hội học của xã hội Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, song việc phổ biến và vận dụng các kết quả nghiên cứu này trong các chương trình đào tạo đại học và sau đại học còn chưa rộng rãi. Ngoài một số ít cán bộ nghiên cứu có tham gia giảng dạy đã cố gắng chuyển tải những kết quả nghiên cứu vào bài giảng, còn lại thì vẫn diễn ra tình hình là người dạy cứ dạy, người nghiên cứu cứ nghiên cứu. Các kết quả nghiên cứu như vậy chưa đi vào được chương trình giảng dạy, còn sinh viên, học viên cao học thậm chí cả nghiên cứu sinh vẫn là những người bị thiệt thòi do thiếu thông tin cập nhật và những kiến thức thực tế. Tình hình này đã không khuyến khích được tính năng động của người học và hạn chế tính ứng dụng của lý thuyết cũng như các kết quả nghiên cứu.

6. Nội dung đào tạo còn chưa chú ý đúng mức đến việc phát triển kỹ năng thực hành và khuyến khích ý tưởng sáng tạo của cá nhân. Số môn học nhiều, dàn trải, trong khi đó thời lượng dành cho từng môn học lại quá ít (ví dụ: 30 tiết lên lớp và thực hành). Với thời lượng như vậy, khó có thể giúp học viên nắm được những kiến thức cơ bản chứ chưa nói đến việc đào sâu, tìm tòi nghiên cứu. Nhiều môn học còn mới đối với Việt Nam nên tình trạng thiếu chuyên gia giảng dạy đã hạn chế rất nhiều hiệu quả học tập.

Viện chưa có được một giáo trình cơ bản để giúp giáo viên khi lên lớp và học viên khi học. Mỗi giáo viên thường dựa vào bài chuẩn bị riêng của mình, chủ yếu được đúc kết lại qua mỗi lần lên lớp. Tài liệu và danh mục tư liệu tham khảo còn

thiếu hoặc chưa được chọn lọc kỹ càng. Học viên chưa có thói quen đọc sách tham khảo ngoài bài giảng của giáo viên. Điều này một phần cũng là hệ quả của việc thịnh hành phương thức giảng dạy thụ động, đọc-chép cùng với những đòi hỏi thấp trong thi cử khiến cả giảng viên lẫn học viên đều ít có nhu cầu đọc thêm tài liệu tham khảo. Những hạn chế về ngoại ngữ, về tiếp cận thông tin trên mạng Internet cũng là một bất lợi trong việc giải quyết vấn đề này.

7. Sự phối hợp đào tạo giữa các cơ quan nghiên cứu và đào tạo có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu và đào tạo của mỗi cơ sở và chất lượng đào tạo nói riêng. Thời gian gần đây đã có những chuyển động bước đầu mang tính thiết chế trong vấn đề này bằng việc triển khai phối hợp đào tạo cao học Xã hội học giữa Viện Xã hội học và Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn tại Hà Nội. Hoạt động phối hợp này trong gần năm qua đã đem lại những kết quả tốt bước đầu trong việc điều chỉnh chương trình, thời lượng các môn học cũng như sắp xếp đội ngũ giảng viên. Tuy nhiên, các hoạt động phối hợp nói trên cũng chỉ mới dừng lại ở chương trình đào tạo cao học của Viện Xã hội học. Những kinh nghiệm phối hợp mang tính thiết chế thời gian qua nếu được phát triển và vận dụng cho chương trình đào tạo cao học Xã hội học của Trường Khoa học xã hội và Nhân văn tại Hà Nội cũng như đối với các cơ sở đào tạo khác thì hiệu quả phối hợp đào tạo và nghiên cứu trong ngành sẽ cao hơn.

8. Một hình thức quan trọng và rất đáng chú ý để tăng cường phối hợp nghiên cứu và giảng dạy xã hội học là khâu hướng dẫn sinh viên, nghiên cứu sinh thực tập và làm luận án tại các cơ sở nghiên cứu. Dường như các cơ sở đào tạo còn ít quan tâm tới công việc này, và giữa các cơ sở nghiên cứu và đào tạo còn thiếu sự phối hợp mang tính thiết chế. Trong nhiều trường hợp, sinh viên phải tự đi tìm giáo viên hướng dẫn trong số các cán bộ nghiên cứu theo quan hệ cá nhân. Đây thực sự còn là một kênh phối hợp còn bỏ trống !

Thực tế chỉ ra rằng, đây là một khâu có khả năng đột phá để tăng cường sự phối hợp giữa nghiên cứu và đào tạo. Sinh viên có thể được gửi tới các Viện nghiên cứu để thực tập, trực tiếp tham gia vào một số đề tài nghiên cứu, theo dõi học hỏi ở các cán bộ nghiên cứu. Kết thúc thời gian thực tập, sinh viên phải trình bày báo cáo thực tập tại Viện. Những sinh viên có triển vọng có thể tiếp tục được làm luận văn tốt nghiệp tại Viện, dưới sự hướng dẫn của cán bộ nghiên cứu hoặc cùng giáo viên đồng hướng dẫn. Tại sao lại không thể có những hợp đồng, cam kết phối hợp giữa Trường và Viện trong hoạt động này? Khi đó việc thực tập, làm luận văn tốt nghiệp của sinh viên sẽ được lên kế hoạch, có tổ chức và cơ chế thực hiện nghiêm túc và chắc chắn sẽ đạt kết quả cao hơn.

Cũng như các cơ sở nghiên cứu và đào tạo khác, Viện Xã hội học đang cố gắng tìm lời giải đáp cho các vấn đề nêu trên. Và để làm được điều đó, nhất thiết cần phải tăng cường phối hợp giữa các cơ sở nghiên cứu và đào tạo xã hội học. Theo hướng này, có thể nêu lên một số đề xuất sau và hy vọng các độc giả quan tâm đến việc phát triển ngành xã hội học ở Việt Nam tiếp tục thảo luận đóng góp:

- Tăng cường trao đổi và phổ biến thông tin giữa các cơ sở nghiên cứu và đào tạo xã hội học qua các hình thức cùng tham gia, cùng tổ chức và chia sẻ thông tin từ các hội thảo, tập huấn; mở rộng trao đổi tài liệu, xuất bản phẩm giữa các cơ quan.

- Hàng năm có một Hội thảo về những kết quả nghiên cứu xã hội học trong năm do các cơ quan (hoặc các cơ quan phối hợp với nhau) luân phiên tổ chức.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy ở bậc cao học, đào tạo nghiên cứu sinh để đưa được nhiều kết quả nghiên cứu mới vào bài giảng, tránh lối dạy- học thụ động, sao chép. Cần khuyến khích hơn nữa sinh viên đọc tài liệu tham khảo từ các nguồn khác nhau.

- Khuyến khích sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học. Các viện, cơ sở nghiên cứu đỡ đầu những sinh viên có năng lực và nguyện vọng tham gia nghiên cứu. Các trường đại học, cơ sở đào tạo nên tổ chức gửi sinh viên về thực tập tại các viện, cơ sở nghiên cứu.

- Phối hợp giữa các cơ sở nghiên cứu và đào tạo trong việc xây dựng các bộ sách công cụ, tham khảo hỗ trợ cho việc dạy và học xã hội học. Tăng cường trao đổi giữa các thư viện và tăng hiệu suất phục vụ của các thư viện...

Cần có cơ chế phối hợp trong nghiên cứu và đào tạo xã hội học

ĐÀO HUY NGẬN *

Hiện nay, xã hội học đang đứng trước những thử thách lớn lao của sự biến đổi thực tiễn xã hội. Vì thế, việc đưa những tri thức cần thiết vào đời sống thực tiễn, truyền bá tri thức cho thế hệ kế tiếp không những phải đổi mới về nội dung chương trình, nội dung kiến thức học thuật mà còn phải đổi mới phương thức hoạt động nhằm thoát khỏi sự yếu kém về chất lượng, nguy cơ tụt hậu trong nghiên cứu, đào tạo xã hội học. Một trong những phương thức đó là sự phối hợp có hiệu quả giữa nghiên cứu, giảng dạy và học tập xã hội học trong ngành xã hội học.

Cho đến nay chúng ta đang có một cơ sở pháp lý đảm bảo cho việc tổ chức, hoạt động phối hợp giữa công tác nghiên cứu, đào tạo và học tập về xã hội học. Một cơ chế mở do chủ trương của Đảng, Nhà nước đề ra đã đang được quán triệt trong mọi ngành, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội ở nước ta hiện nay, trong đó có ngành xã hội học.

Một đảm bảo quan trọng khác là những văn bản pháp quy đã được ban hành

* Trưởng phòng, Phòng Xã hội học giáo dục, Viện Khoa học giáo dục.

vẫn đang có hiệu lực. Đó là Nghị quyết 324/CT của Hội đồng Bộ trưởng, năm 1992 (nay là Hội đồng Chính phủ) đã chỉ rõ: "Gắn nghiên cứu với đào tạo, coi các trường đại học, cơ quan nghiên cứu khoa học, công nghệ là một hệ thống nhất, cần sắp xếp, phân công hợp lý,..." Luật giáo dục ban hành năm 1998 cũng đã ghi nhận tại điều 15: "Trường Cao đẳng, Đại học, Viện nghiên cứu Khoa học, Cơ sở sản xuất có trách nhiệm phối hợp trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội,..." Mối đây Luật khoa học, công nghệ ra đời cũng khẳng định, tại điều 11 và 12: "Việc nghiên cứu khoa học, đào tạo ở các trường đại học và những cơ sở khác phải hướng trọng tâm và đào tạo, phát triển nguồn lực, bồi dưỡng nhân tài. Nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phải triển khai theo hướng kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất, dịch vụ khoa học, công nghệ,..."

Cả nước hiện có trên 20 cơ sở nghiên cứu và đào tạo xã hội học bao gồm hơn 200 nhà nghiên cứu, giảng dạy về xã hội học và hàng ngàn người học là sinh viên, học viên xã hội học.

Khi xây dựng cơ chế phối hợp giữa nghiên cứu, giảng dạy và học tập xã hội học trong điều kiện hiện nay cần quan tâm tới các vấn đề sau đây:

Trước hết hiểu về cơ chế là hiểu nó như một cách thức, một quá trình thực hiện. Hiểu cơ chế ở đây còn có thể hiểu là lề lối, nguyên tắc, cách thức cụ thể để tiến hành một công việc, một hoạt động nào đó với sự tham gia của một hay nhiều tổ chức, bộ phận cùng có chung một mục đích, nhưng thực hiện các chức năng không giống nhau hoặc tương đồng.

Cơ chế của sự phối hợp giữa nghiên cứu, giảng dạy và học tập xã hội học cũng nằm trong khuôn khổ của các quan niệm trên, tuy có một số nét riêng của bản thân cơ chế đó. Vì thế, cơ chế phối hợp hoạt động nghiên cứu và giảng dạy, học tập xã hội học phải được thiết lập trên cơ sở của những mối quan hệ tương tác, đồng thuận, cùng có lợi, phản ảnh và thể hiện rõ nét về những kiểu lề lối, cách thức, nguyên tắc cùng làm việc với nhau sao cho vừa tạo ra được năng suất, hiệu quả cho cả công tác nghiên cứu và giảng dạy cũng như việc học tập của các nhà nghiên cứu, giáo viên và ngay cả việc học tập của sinh viên, học viên xã hội học.

Về lề lối phối hợp giữa nghiên cứu, giảng dạy xã hội học ở đây cũng có thể được hiểu là cách thức phối hợp đã thành thói quen, có thể lúc đầu còn ngỡ ngàng, chưa ăn nhập, có sự lỏng lẻo, sau trở thành nề nếp. Ở đây còn thể hiện phong cách làm việc, trao đổi thông tin, chuyển giao kiến thức, kinh nghiệm cần thiết cho nhau sao cho có hiệu quả, thuận tiện nhất và có sự ăn nhập lẫn nhau giữa các thành viên, các bộ phận khác nhau tham gia vào quá trình phối hợp nói trên. Trong thực tiễn của công tác nghiên cứu và giảng dạy xã hội học lâu nay vẫn diễn ra theo thói quen "độc lập tác chiến", "chuyên môn hóa, kế hoạch hóa", vào từng lĩnh vực nghiên cứu và giảng dạy của mỗi cá nhân. Vì thế, việc đạt hiệu quả, chất lượng trong mỗi lĩnh vực đó phần nào bị hạn chế.

Về cách thức, cách thức phối hợp, hiểu một cách khái quát chung thì cách thức là hình thức diễn ra của một hành động, còn cách thức phối hợp diễn đạt theo ý trên là những hình thức được vận dụng để các hành động phối hợp giữa nghiên cứu và

giảng dạy (ở đây là nghiên cứu các vấn đề xã hội học và giảng dạy, học tập về xã hội học) diễn ra theo hướng nhất định. Những hình thức thường được vận dụng phù hợp nhằm đạt tới các hành động phối hợp thì có thể có nhiều song tựu trung vào một số hình thức thông dụng, phù hợp trong lĩnh vực phối hợp nghiên cứu và giảng dạy. Nó được xếp theo thứ tự ưu tiên như sau: Hình thức trao đổi chuyên gia giữa các lĩnh vực nghiên cứu và đào tạo xã hội học, diễn ra trong nước với nước ngoài; Hình thức tập trung nhiều người hay một số người làm công tác xã hội học để tiến hành trao đổi hay để nghe báo cáo về những chuyên đề cần thiết có liên quan đến công tác nghiên cứu, giảng dạy xã hội học; Hình thức tổ chức các hội thảo khoa học về những vấn đề lý luận, vấn đề thực tiễn, các vấn đề về phương pháp nghiên cứu và phương pháp giảng dạy xã hội học; Hình thức trao đổi thông tin qua các tài liệu, các văn bản, báo cáo khoa học, các giáo trình, bài giảng, tạp chí nghiên cứu của các cơ sở nghiên cứu và đào tạo về xã hội học,... Ngoài ra, có thể tổ chức các hình thức liên kết các cụm, cơ sở nghiên cứu và đào tạo trên phạm vi địa bàn, các hình thức kết nghĩa, giao kết, cam kết hợp đồng lâu dài, hoặc thời đoạn,... Tuy nhiên, để cho phù hợp với từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể các cách thức phối hợp nói trên có thể vận dụng một cách linh hoạt.

Mấy vấn đề về đào tạo xã hội học ở Trường Đại học Công đoàn Việt Nam

VŨ ĐẠT *

Trường Đại học Công đoàn, từ khi hòa nhập hệ thống giáo dục Đại học Quốc gia, ngoài sự quan tâm thường xuyên của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam còn được sự quan tâm đặc biệt của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhất là đối với chuyên ngành xã hội học. Ngay từ khi trường chuyển lên đại học (1992) môn xã hội học đã được đưa vào giảng dạy ở tất cả các khoa không chuyên như Công đoàn, Quản trị kinh doanh, Bảo hộ lao động,... Đặc biệt, năm 1997, Khoa xã hội học của trường Đại học Công đoàn chính thức được thành lập. Từ năm 1998, nhà trường đã chính thức tuyển sinh để đào tạo cán bộ chuyên ngành xã hội học không chỉ cho cán bộ Công đoàn mà còn góp phần đào tạo các nhà xã hội học trẻ cho xã hội.

Khoa xã hội học trường Đại học Công đoàn mới ra đời được 4 năm. Hàng năm, nhà trường tuyển sinh qua kỳ thi tuyển sinh quốc gia học sinh phổ thông tốt nghiệp lớp 12 và cán bộ Công đoàn học chuyên ngành xã hội học. Đến nay, đã tuyển sinh được 3 khóa với 372 sinh viên đang theo học từ năm thứ nhất đến năm thứ ba.

Nội dung chương trình cử nhân ngành xã hội học ở trường Đại học Công

* Phó chủ nhiệm Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Trường Đại học Công đoàn

đoàn về cơ bản giống như của các trường có đào tạo cử nhân ngành xã hội học khác. Tuy nhiên, trong kết cấu chương trình, chúng tôi có chú ý đến nét đặc thù của trường. Đó là, dựa vào quy chế đào tạo của Bộ, trong chương trình có phần kiến thức đại cương (là phần cứng bắt buộc), có phần mềm để phản ánh nét đặc thù của trường Đại học Công đoàn, điều này được thể hiện ở kết cấu chương trình và ở phương pháp đào tạo. Trong khối kiến thức chung thuộc phần cứng, chúng tôi bố trí một tỷ lệ thích hợp hàm lượng kiến thức khoa học tự nhiên như: toán cao cấp D, xác suất thống kê, thống kê xã hội học, tin học đại cương, tin học chuyên ngành, chương trình SPSS, khoa học tự nhiên và công nghệ,... Với kiến thức thuộc khối Khoa học xã hội và Nhân văn, trong đó nhấn mạnh đối với kiến thức lịch sử (thế giới và Việt Nam), Dân tộc học, Kinh tế học (các nguyên lý kinh tế I và II).

Riêng đối với khối lượng kiến thức chuyên ngành, chúng tôi đặt vị trí thích hợp cho những môn liên quan đến lý thuyết xã hội học. Đồng thời có quan tâm đến cơ cấu thích hợp hàm lượng kiến thức mang tính đặc thù của trường, nhưng đặc biệt quan tâm ưu tiên xã hội học chính trị, tổ chức, kinh tế, lao động, xí nghiệp, công nghiệp, công nghệ,... và những lĩnh vực hoạt động mà tổ chức Công đoàn và các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng có nhu cầu.

Từ quan điểm về đào tạo nghề cho sinh viên nên chúng tôi rất chú trọng phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập của sinh viên. Tuy nhiên, về vấn đề này chúng tôi còn có những khó khăn nhất định:

- Về tài liệu cho sinh viên tham khảo còn quá ít, thậm chí có những vấn đề thuộc kiến thức cơ bản còn chưa được thống nhất giữa các tài liệu. Tính cập nhật chưa cao, chưa phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội Việt Nam.

- Vai trò của người thầy còn có những hạn chế. Trong đào tạo, phương pháp giảng dạy thực hành xã hội học của người thầy là quan trọng.

Vì vậy, Hội đồng khoa học của khoa dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng nhà trường đã sinh hoạt khoa học nhiều kỳ bàn về cải tiến, hoàn chỉnh chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, học tập nhằm biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo của sinh viên. Để sinh viên có thể ứng dụng lý thuyết đã học vào thực tiễn đời sống xã hội, cụ thể là ở các doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất kinh doanh, các tổ chức xã hội và đoàn thể quần chúng.

Hiện nay, chúng tôi đang cố gắng liên kết với các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp để sao cho các đơn vị này không đơn thuần là địa bàn thực tập của sinh viên mà còn thực sự là cơ sở đào tạo, rèn luyện sinh viên. Đây chính là người thầy thứ hai, người thầy hướng dẫn kỹ năng hiệu quả nhất cho sinh viên mà giảng đường chính là các doanh nghiệp. Thông qua thực tiễn nhằm nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên của khoa nhằm phát huy năng lực của mình góp phần trực tiếp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.